

Bản án số: 765/2020/KDTM-PT

Ngày: 13/8/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Trinh**

Các Thẩm phán:

Bà Hà Thanh Thủy

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thanh Phụng** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: **Bà Trần Thúy Ái** – Kiểm sát viên

Trong các ngày 06/7/2020, 23/7/2020 và ngày 13/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2020/KDTM-PT ngày 30/3/2020 về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ

Do bản án kinh doanh sơ thẩm số 02/2020/KDTM-ST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5113/2020/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 4023/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV NCN

Địa chỉ: Số 52-54 đường N, phường Đ, Quận Z, Thành phố H

Đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Lê Nguyễn Bảo Hân (Giấy ủy quyền ngày 13/5/2020)

2. Ông Lê Văn Thanh (Giấy ủy quyền ngày 03/7/2020)

Địa chỉ: Tầng 7, Số 99 Điện Biên Phủ, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Công ty Cổ phần G

Địa chỉ: 189C3 Nguyễn Văn H, phường T, Quận Y, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Nhung (Giấy ủy quyền số 05/2020/UQ-G ngày 30/3/2020)

Địa chỉ: 33 Phạm Đăng G, phường B, quận T, Thành phố H

(Tất cả các đương sự có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Cổ phần G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì sự việc được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2019; Bản tự khai ngày 15/8/2019; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 11/12/2019; Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 11/12/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên NCN có ông Đỗ Hoàng Long là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/02/2019, Công ty TNHH Một thành viên NCN (gọi tắt là NCN) và Công ty CP G (gọi tắt là G) ký kết hợp đồng hợp tác số 1102/2019/HDHT/G. Theo hợp đồng, NCN có nhiệm vụ lên ý tưởng và triển khai chương trình Sunspriation City tại Quận 2. Phía G có trách nhiệm cung cấp nguồn tài chính để thực hiện chương trình và kêu gọi tài trợ cho chương trình với tổng giá trị của hợp đồng là 8.343.390.000 đồng. NCN đã hoàn thành nghĩa vụ tổ chức sự kiện theo thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng G chỉ thanh toán 2 lần với số tiền là 4.790.673.900 đồng, còn lần 3 G chưa thực hiện thanh toán. Về khoản tiền 538.411.282 đồng (bao gồm 10% VAT) mà NCN đã cản trừ cho G nêu trong đơn khởi kiện, sau khi kiểm tra lại chính xác là 538.430.312 đồng, bao gồm doanh thu bán vé NCN thu hộ G và doanh thu bán hàng tại chương trình trừ đi tiền chi phí NCN đã chi hộ G, cụ thể:

Doanh thu bán vé thông qua Công ty TNHH MTV Ticketbox là 31.521.000 đồng (Hợp đồng dịch vụ và hóa đơn VAT số 0000003 – 23/04/2019), trong đó NCN đã chi:

+ Chi phí treo banner sự kiện và phí dịch vụ in vé sự kiện 20.700.000 đồng – hóa đơn VAT số 0000042 – 16/05/2019;

+ Tiền hoa hồng bán vé sự kiện cho đại lý là 3.596.736 đồng – hóa đơn VAT số 0000041 – 16/05/2019;

Doanh thu bán vé thông qua Công ty CP Công Nghệ Aladdin 27.131.980 đồng – (Hợp đồng dịch vụ và hóa đơn VAT số 0000097 – 06/04/2019), trong đó NCN đã chi:

+ Phí dịch vụ quảng cáo 10.000.000 đồng (hóa đơn VAT số 0000072 ngày 06/04/2019);

+ Phí dịch vụ bán vé sự kiện 1.899.240 đồng (hóa đơn VAT số 0000071 ngày 06/04/2019);

Doanh thu bán vé thông qua Công ty TNHH Vinatix Việt Nam 5.585.996 đồng (Hợp đồng dịch vụ và hóa đơn VAT số 0000099 – 06/04/2019), trong đó NCN đã chi;

+ Chi phí vận hành hệ thống Cashless 7.570.000 đồng (hóa đơn VAT số 0000017 – 20/01/2019);

Doanh thu bán vé 384.230 đồng (hóa đơn VAT số 0000016 – 20/4/2019);

+ Phí dịch vụ bán vé 2.156.180 đồng;

+ Tiền vé khách hàng hủy mua vé, phải hoàn lại cho khách 2.081.778 đồng;

Như vậy, NCN còn giữ 12.347.042 đồng (hóa đơn VAT 0000004 – 24/4/2019).

Doanh thu bán vé thông qua Công ty TNHH MTV Cửa Hàng Tiệm Lợi Gia Đình Việt Nam là 3.591.000 đồng (hợp đồng dịch vụ; hóa đơn VAT số 000094 – 28/03/2019; hóa đơn VAT số 0000096 – 06/04/2019; Bảng kê giao dịch Công ty MTV Cửa Hàng Tiệm Lợi Gia Đình VN đã chuyển khoản cho NCN), trong đó, NCN đã chi:

+ Phí dịch vụ bán vé 399.000 đồng;

Chi phí 22.000.000 đồng Sản xuất Banner, Poster, Leaflet, vé, nhân sự bán vé tại 50 điểm cửa hàng Family Mart, 5 điểm Sài Gòn Tourist (Biên bản bàn giao; biên nhận).

Doanh thu bán vé trực tiếp tại cổng sự kiện 11.294.000 đồng (13 vé) do Công ty TNHH Vinatix Việt Nam. Có biên bản xác nhận của Pouch Nation kiểm soát vé. (Hợp đồng dịch vụ kiểm soát truy cập vé; hóa đơn VAT số 0000009 – 25/03/2019);

Doanh thu bán vé từ cộng tác viên thu hộ G: 320.710.000 đồng, trong đó:

+ Tiền công bán vé của cộng tác viên: 112.352.000 đồng (Phiếu thu và biên nhận chuyển khoản cho từng cộng tác viên);

Tiền thu hộ G: 23.016.000 đồng;

Chi phí 91.000.000 đồng tiền thức ăn phục vụ chương trình đối với Chi nhánh Tổng công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH MTV – Làng Du Lịch Bình Quới (Hợp đồng dịch vụ và hóa đơn VAT số 0138943 – 23/05/2019);

Chi phí 4.905.000 đồng tiền thức ăn Pizza Original đối với Lê Hoàng Quang Di (Hợp đồng dịch vụ và báo cáo bán hàng có xác nhận ngày 06/04/2019 từ 2 bên);

Chi phí 4.473.000 đồng tiền đồ uống đối với gian hàng Endee Gerden do bà Kiên Thị Tuyết Trang cung cấp dịch vụ (hợp đồng dịch vụ và báo cáo bán hàng có xác nhận ngày 06/04/2019 từ 2 bên);

Chi phí 43.208.00 đồng tiền rượu lục Belaire đối với Công ty TNHH thương mại và Dịch vụ Lục Thủy Sài Gòn (Hợp Đồng dịch vụ và hóa đơn VAT số 0000121 – 20/04/2019; hóa đơn VAT số 0000123 – 22/04/2019);

Chi phí 13.432.500 đồng tiền nước ngọt phục vụ chương trình đối với Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Không Bốn (hóa đơn VAT số 0074024 – 01/04/2019);

Chi phí tiền trái cây 5.000.000 đồng đối với Công ty TNHH Trái cây Tươi Bery (02 hóa đơn bán lẻ);

Chi phí 7.349.500 đồng tiền logistics mua đồ sử dụng bán hàng đối với CÔNG TY TNHH Sản xuất Thương Mại Dịch Vụ Tiến Phúc Đạt (Hóa đơn bán lẻ; hóa đơn VAT số 0000081 – 24/4/2019);

NCN đồng ý thu mua toàn bộ số bia còn dư sau chương trình của G: 869 thùng bia với giá 390.000đồng/thùng. Tổng cộng: 338.910.000 đồng.

Tổng cộng thì NCN đã thu hộ G: 897.282.976 đồng, NCN đã chi trả chi phí phục vụ chương trình: 358.852.664 đồng, còn lại: 538.430.312 đồng.

Về khoản tiền cần trừ số tiền vé 22.779.000 đồng (bao gồm 10% VAT) NCN giải trình như sau: NCN đã đồng ý đền bù số tiền tương ứng số vé bị lỗi khi phải kích hoạt vé tại cổng ngày 06/04/2019. Số lượng vé bị lỗi này đã được bên thứ 3 là Công ty TNHH Vinatix Việt Nam (gọi tắt là Pouch Nation) đã tiến hành kiểm đếm và có “biên bản xác nhận” của G và Pouch Nation.

Như vậy, số tiền mà G còn nợ NCN là: 3.552.716.100 đồng – 538.403.312 đồng – 22.779.000 đồng = 2.991.506.788 đồng.

Nay NCN yêu cầu G thanh toán số tiền còn lại là 2.991.506.788 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất cơ bản, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ 07/05/2019 đến thời điểm giải quyết vụ án.

Bị đơn – Công ty CP G có ông Lý Trung Dũng là người đại diện theo pháp luật vắng mặt trong quá trình tiến hành tố tụng nên Tòa án không thu thập được lời khai của Công ty CP G.

Tại bản án số 02/2020/KDTM-ST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên NCN.

Buộc Công ty CP G phải thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên NCN tổng số tiền 3.170.997.195 đồng, bao gồm: 2.991.506.788 đồng tiền phí dịch vụ và tiền lãi là 179.490.407 đồng. Thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người thi hành án đối với các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương Mại 2005.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/3/2020, bị đơn Công ty Cổ phần G kháng cáo toàn bộ nội dung bản án số 02/2020/KDTM-ST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Tại phiên Toà phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Nhung – đại diện Công ty Cổ phần G kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do trong quá trình sơ thẩm, Công ty CP G không nhân được giấy triệu tập tham gia tố tụng và các bên chưa tiến hành đối chiếu công nợ

Bà Lê Nguyễn Bảo Hân và ông Đỗ Hoàng Long – đại diện Công ty TNHH MTV NCN: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị

giữ nguyên bản án sơ thẩm; vì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ hợp đồng hai bên ký kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu – đề nghị:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng theo quy định pháp luật

Về nội dung: Công ty Cổ phần G kháng cáo nhưng tại phiên tòa không xuất trình được chứng cứ gì cho việc kháng cáo của mình, đề nghị tòa không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty TNHH MTV NCN ủy quyền cho Bà Lê Nguyễn Bảo Hân và ông Lê Văn Thanh; Công ty Cổ phần G ủy quyền cho bà Phạm Thị Nhung, phù hợp với Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng, Căn cứ Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp ngày 05/7/2019, Công ty CP G có trụ sở tại 189C3 Nguyễn Văn Hưởng, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên, tại Phiếu yêu cầu xác minh số 345/PYCXM ngày 18/9/2019, Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận 2 trả lời cho Tòa án nhân dân Quận 2 biết Công ty CP G không treo bảng hiệu, không có văn phòng làm việc tại địa chỉ 189C3 Nguyễn Văn Hưởng, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy, Tòa án nhân dân Quận 2 tiến hành thủ tục thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng theo Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Đăng báo lao động 03 kỳ (ngày 12 /11/2016 đến ngày 14/11/2016) và thông tin trên Đài Tiếng nói Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh 03 ngày (từ ngày 14/11/2019 đến ngày 16/11/2019) thông báo cho Công ty CP G về việc Tòa án tiến hành hòa giải lúc 09 giờ 00 phút ngày 03/12/2019, hòa giải lần 2 lúc 09 giờ 00 phút ngày 11/12/2019, xét xử lần 1 lúc 09 giờ 00 phút, ngày 27/12/2019, xét xử lần 2 lúc 09 giờ 00 phút ngày 08/01/2020. Như vậy, việc thông báo này đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về việc thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng nên với yêu cầu kháng cáo phần này của Công ty CP G là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần G không đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền 2.991.528.818 đồng cho Công ty NCN;

Căn cứ hợp đồng hợp tác số 1102/2019/HDHT/G ngày 12/02/2019 giữa Công ty TNHH Một thành viên Nhịp Công và Công ty CP G có nội dung: Công ty NCN có nhiệm vụ lên ý tưởng và triển khai chương trình Sunspriation City tại Quận 2. Phía G có trách nhiệm cung cấp nguồn tài chính để thực hiện chương trình và kêu gọi tài trợ cho chương trình với tổng giá trị của hợp đồng là

8.343.390.000 đồng. Theo xác nhận của các bên, Công ty G đã thanh toán 2 lần đầu với số tiền là 4.790.673.900 đồng, còn lần 3 G chưa thực hiện thanh toán, còn lại 3.552.716.100 đồng

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn cho rằng nguyên đơn chưa cung cấp các hóa đơn, chứng từ hợp lệ cho bị đơn để tiến hành đối chiếu công nợ; ngược lại nguyên đơn xuất trình các hóa đơn, chứng từ chứng minh các khoản tiền đã thanh toán cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ nên đề nghị bị đơn thanh toán khoản tiền còn thiếu là 3.552.716.100 đồng – 538.403.312 đồng – 22.779.000 đồng = 2.991.506.788 đồng

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù hai bên chưa đối chiếu công nợ nhưng căn cứ vào các chứng từ mà nguyên đơn cung cấp cho bị đơn cũng như cung cấp tại Tòa án, cụ thể:

Doanh thu bán vé thông qua Công ty TNHH MTV Ticketbox là 31.521.000 đồng, trong đó Công ty NCN đã chi: Chi phí treo banner sự kiện và phí dịch vụ in vé sự kiện 20.700.000 đồng theo hóa đơn VAT số 0000042 – 16/05/2019; và Tiền hoa hồng bán vé sự kiện cho đại lý là 3.596.736 đồng theo hóa đơn VAT số 0000041 – 16/05/2019; Doanh thu bán vé thông qua Công ty CP Công Nghệ Aladdin 27.131.980 đồng – (Hợp đồng dịch vụ và hóa đơn VAT số 0000097 – 06/04/2019), trong đó Công ty NCN đã chi: Phí dịch vụ quảng cáo 10.000.000 đồng (hóa đơn VAT số 0000072 ngày 06/04/2019); Phí dịch vụ bán vé sự kiện 1.899.240 đồng (hóa đơn VAT số 0000071 ngày 06/04/2019); Doanh thu bán vé thông qua Công ty TNHH Vinatix Việt Nam 5.585.996 đồng (Hợp đồng dịch vụ và hóa đơn VAT số 0000099 – 06/04/2019), trong đó Công ty NCN đã chi: Chi phí vận hành hệ thống Cashless 7.570.000 đồng (hóa đơn VAT số 0000017 – 20/01/2019); Doanh thu bán vé 384.230 đồng (hóa đơn VAT số 0000016 – 20/4/2019); Phí dịch vụ bán vé 2.156.180 đồng; Tiền vé khách hàng hủy mua vé, phải hoàn lại cho khách 2.081.778 đồng; Như vậy, Công ty NCN còn giữ 12.347.042 đồng (hóa đơn VAT 0000004 – 24/4/2019).

Doanh thu bán vé thông qua Công ty TNHH MTV Cửa Hàng Tiệm Lợi Gia Đình Việt Nam là 3.591.000 đồng (hợp đồng dịch vụ; hóa đơn VAT số 0000094 – 28/03/2019; hóa đơn VAT số 0000096 – 06/04/2019; Bảng kê giao dịch Công ty MTV Cửa Hàng Tiệm Lợi Gia Đình VN đã chuyển khoản cho NCN), trong đó, Công ty NCN đã chi: Phí dịch vụ bán vé 399.000 đồng; Chi phí 22.000.000 đồng Sản xuất Banner, Poster, Leaflet, vé, nhân sự bán vé tại 50 điểm cửa hàng Family Mart, 5 điểm Sài Gòn Tourist (Biên bản bàn giao; biên nhận). Doanh thu bán vé trực tiếp tại cổng sự kiện 11.294.000 đồng (13 vé) do Công ty TNHH Vinatix Việt Nam. Có biên bản xác nhận của Pouch Nation kiểm soát vé. (Hợp đồng dịch vụ kiểm soát truy cập vé; hóa đơn VAT số 0000009 – 25/03/2019); Doanh thu bán vé từ cộng tác viên thu hộ G: 320.710.000 đồng, trong đó: Tiền công bán vé của cộng tác viên: 112.352.000 đồng (Phiếu thu và biên nhận chuyển khoản cho từng cộng tác viên); Tiền thu hộ G: 23.016.000 đồng;

Chi phí 91.000.000 đồng tiền thức ăn phục vụ chương trình đối với Chi nhánh Tổng công ty Du Lịch Sài Gòn – TNHH MTV – Làng Du Lịch Bình Quới (Hợp đồng dịch vụ và hóa đơn VAT số 0138943 – 23/05/2019);

Chi phí 4.905.000 đồng tiền thức ăn Pizza Original đối với Lê Hoàng Quang Di (Hợp đồng dịch vụ và báo cáo bán hàng có xác nhận ngày 06/04/2019 từ 2 bên);

Chi phí 4.473.000 đồng tiền đồ uống đối với gian hàng Endee Gerden do bà Kiên Thị Tuyết Trang cung cấp dịch vụ (hợp đồng dịch vụ và báo cáo bán hàng có xác nhận ngày 06/04/2019 từ 2 bên);

Chi phí 43.208.00 đồng tiền rượu lục Belaire đối với Công ty TNHH thương mại và Dịch vụ Lục Thủy Sài Gòn (Hợp Đồng dịch vụ và hóa đơn VAT số 0000121 – 20/04/2019; hóa đơn VAT số 0000123 – 22/04/2019);

Chi phí 13.432.500 đồng tiền nước ngọt phục vụ chương trình đối với Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Không Bốn (hóa đơn VAT số 0074024 – 01/04/2019);

Chi phí tiền trái cây 5.000.000 đồng đối với Công ty TNHH Trái cây Tươi Bery (02 hóa đơn bán lẻ);

Chi phí 7.349.500 đồng tiền logistics mua đồ sử dụng bán hàng đối với CÔNG TY TNHH Sản xuất Thương Mại Dịch Vụ Tiến Phúc Đạt (Hóa đơn bán lẻ; hóa đơn VAT số 0000081 – 24/4/2019);

Công ty NCN đồng ý thu mua toàn bộ số bia còn dư sau chương trình của G: 869 thùng bia với giá 390.000 đồng/ thùng. Tổng cộng: 338.910.000 đồng.

Tổng cộng thì Công ty NCN đã thu hộ G: 897.282.976 đồng, Công ty NCN đã chi trả chi phí phục vụ chương trình: 358.852.664 đồng, còn lại: 538.430.312 đồng.

Về khoản tiền cần trừ số tiền vé 22.779.000 đồng (bao gồm 10% VAT) Công ty NCN đã đồng ý đền bù số tiền tương ứng số vé bị lỗi khi phải kích hoạt vé tại cổng ngày 06/04/2019. Số lượng vé bị lỗi này đã được bên thứ 3 là Công ty TNHH Vinatix Việt Nam (gọi tắt là Pouch Nation) đã tiến hành kiểm đếm và có “biên bản xác nhận” của G và Pouch Nation.

Như vậy, số tiền mà Công ty G còn nợ Công ty NCN là: 3.552.716.100 đồng – 538.403.312 đồng – 22.779.000 đồng = 2.991.506.788 đồng.

Vì vậy cấp sơ thẩm buộc Công ty G thanh toán cho Công ty NCN số tiền 2.991.506.788 đồng là có căn cứ nên với yêu cầu kháng cáo phần này của bị đơn không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý trả tiền lãi chậm trả là 179.490.407 đồng

Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty CP G đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng hợp tác số 1102/2019/HDHT/G ngày 12/02/2019, do đó có trách nhiệm thanh toán tiền lãi trên số tiền chậm trả là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Về mức lãi suất chậm trả: Nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất cơ bản là có lợi cho bị đơn, cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi mà Công ty G phải thanh toán cho Công ty NCN là: 2.991.506.788 đồng + 179.490.407 đồng = 3.170.997.195 đồng.

[4] Từ nhận định trên, hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần G, giữ nguyên án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Các nội dung khác, đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên giữ nguyên án sơ thẩm.

[6] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần G nên phải chịu án phí 2.000.000 đồng (Công ty Cổ phần G đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148; Khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Điều b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần G

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên NCN.

Buộc Công ty CP G phải thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên NCN tổng số tiền 3.170.997.195 (ba tỷ một trăm bảy mươi triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn một trăm chín mươi lăm) đồng, bao gồm: 2.991.506.788 đồng tiền phí dịch vụ và tiền lãi là 179.490.407 đồng.

Thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH Một thành viên NCN, nếu Công ty Cổ phần G chưa thanh toán hay chậm thanh toán thì còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí:

Công ty Cổ phần G phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 95.419.944 (chín mươi lăm triệu bốn trăm mười chín ngàn chín trăm bốn mươi bốn) đồng.

Hoàn lại cho Công ty TNHH MTV NCN tiền tạm ứng án phí đã nộp là 48.607.664 (bốn mươi tám triệu sáu trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm bốn mươi bốn)

đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0016598 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần G phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng, được trừ vào tiền tạm nộp án phí 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0027434 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần G đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các qui định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao TP.HCM;
- VKSND cấp cao TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 2;
- Chi cục THADS Quận 2;
- Lưu

Nguyễn Thị Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao TP.HCM;
- VKSND cấp cao TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 2;
- Chi cục THADS Quận 2;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
----------------------	----------------------------

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao TP.HCM;
- VKSND cấp cao TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q. Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu

Nguyễn Thị Trinh